TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-ST.
Ngày: 08.02.2022.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đ. H. L.
2. Bà N. T. T. V.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS, ngày 20 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **P. V. H,** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 22/4/1995, tại: huyện M, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện M, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ làm cửa sắt; Con ông: P.H (Sinh năm 1972) và bà: P.T.T (Sinh năm 1972); Vợ: P.T.T..H (Sinh năm 1997); Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 26/10/2021 cho đến nay. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

** <u>Người bị hại</u>*:

1. Bà H. T. P – Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: thôn 1, xã C, huyện A, tỉnh B. (*Vắng mặt*).

2. Ông Đ. Đ. L – Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: thôn K, xã N, huyện A, tỉnh B. (*Vắng mặt*).

3. Ông L. T. L – Sinh năm: 1957.

Địa chỉ: thôn P, xã L, huyện A, tỉnh B. (*Có mặt*).

* <u>*Người làm chứng*</u>:

1. Chị N. T. T – Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh B. (*Có mặt*).

2. Anh H. T. T – Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện A, tỉnh B. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 20/10/2021 và 26/10/2021, P. V. H điều khiển xe mô tô Yamaha mang biển kiểm soát 25Y3-2640 (xe thuộc sở hữu của anh T. V. T – sinh năm 1985, ở thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh B cho P.V.H mượn để đi lại) và mang theo 01 kìm cắt bằng kim loại đi từ nhà ở thôn 2, xã T, huyện M, tỉnh B đến địa bàn huyện A thực hiện 03 vụ lấy trộm tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13h30p ngày 20/10/2021, P.V.H đến nhà bà H.T.P (Sinh năm 1973, ở thôn 1, xã C, huyện A, tỉnh B), thấy nhà đóng cửa, không có ai, P.V.H dựng xe bên ngoài và đi đến cửa phòng sau, dùng kìm cắt ổ khóa, rồi vào phòng buồng lục tìm tài sản và lấy được 03 con heo cất trong tủ, đem xuống phòng bếp đập vỡ và lấy được số tiền là 3.000.000^{đ}.

Vụ thứ hai: Sau khi trộm tại nhà chị H.T.P, P.V.H tiếp tục điều khiển xe chạy đến nhà ông L.T.L (Sinh năm 1957, ở thôn P, xã L, huyện A, tỉnh B), thấy không có ai ở nhà, P.V.H dựng xe bên ngoài rồi tiếp tục sử dụng kìm, cắt lưới B40 để vào bên trong. P.V.H lục trong túi quần của ông L.T.L treo phía sau và lấy được số tiền 400.000^{đ}. P.V.H tiếp tục đi đến dùng tay bẻ gãy các thanh cửa sổ bằng gỗ, rồi trèo vào bên trong nhà lục tìm tài sản và lấy được số tiền 33.000.000^{đ} cất trong phòng buồng và 01 chiếc nhẫn Tango bằng kim loại màu vàng cất trong hộp bằng kim loại.

Vụ thứ ba: Cũng như hai vụ trên, khoảng 7h30p sáng ngày 26/10/2021, P.V.H đến nhà ông Đ.Đ.L (Sinh năm 1970, ở thôn K, xã N, huyện A, tỉnh B), thấy không có ai ở nhà, P.V.H tiếp tục dựng xe bên ngoài rồi đi ra phía sau, dùng kìm cắt lưới B40 và cạy cửa phòng bếp, đột nhập vào trong nhà lấy được 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15S. Sau đó, P.V.H đem 01 điện thoại hiệu Oppo A15S cho chị N.T.T (Sinh năm 1988, ở thôn 4, xã H, huyện A, tỉnh B); còn 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20, P.V.H đem đến tiệm mua bán điện thoại Trọng Linh (Ở thôn V, xã H, huyện A, tỉnh B) nhờ phá khóa thì bị Công an huyện A phát hiện, bắt giữ.

* *Hậu quả của vụ án*:

– Theo Kết luận định giá tài sản ngày 04/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, tỉnh B: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20 màu xanh (đã qua sử dụng) tại thời điểm bị trộm cắp có trị giá 2.100.000đ (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*); 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15S màu xanh (đã qua sử dụng) tại thời điểm bị trộm cắp có trị giá 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*). Tổng trị giá 02 điện thoại di động bị P.V.H chiếm đoạt là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

– Theo Kết luận định giá tài sản ngày 25/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, tỉnh B: 01 chiếc nhẫn Tango, có mặt hình vuông, trên mặt có khắc chữ T, chất liệu vàng 18k, trọng lượng 1,5 chỉ, tại thời điểm bị trộm cắp có giá là 4.950.000đ (*Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tổng giá trị tiền và tài sản mà P.V.H đã chiếm đoạt là: 46.350.000đ (*Bốn mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

* *Về vật chứng vụ án*:

– Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tạm giữ và xử lý trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 25Y3-2640 cho anh T.V.T; tạm giữ và xử lý trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A15S cho ông Đ.Đ.L.

– Tạm giữ 01 (*Một*) kìm cắt bằng kim loại, có cán bọc bằng nhựa màu vàng-đen hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

** Về trách nhiệm dân sự:* Sau khi nhận lại 02 điện thoại di động, người bị hại ông Đ.Đ.L không có yêu cầu gì; người bị hại bà H.T.P không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 3.000.000đ. Người bị hại ông L.T.L yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 38.350.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKSPC, ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo P.V.H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo P.V.H về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015, để xử phạt bị cáo P.V.H với mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 26/10/2021. Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Người bị hại ông L.T.L yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo bồi thường thiệt hại và đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.V.H.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo P.V.H đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Là một thanh niên đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe để lao động nhằm nuôi sống bản thân và gia đình, tuy nhiên do lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà trong hai ngày 20/10/2021 và 26/10/2021, P.V.H đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện A, tỉnh B. Bằng thủ đoạn điều khiển xe mô tô Yamaha mang biển kiểm soát 25Y3-2640 đi dạo, quan sát nhà nào không có người trông coi thì lén lút dùng kìm mang theo cắt khóa, rồi đột nhập vào nhà để lấy trộm tài sản. Bằng cách này bị cáo đã lấy được của bà H.T.P số tiền 3.000.000^{đ}; của ông Đ.Đ.L 02 điện thoại di động trị giá 5.000.000^{đ}; của ông L.T.L số tài sản trị giá 38.350.000^{đ}. Tổng giá trị tài sản và tiền bị cáo chiếm đoạt được là 46.350.000^{đ}.

Hành vi của P.V.H là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo P.V.H về tội: "*Trộm cắp tài sản*" với theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo P.V.H phạm tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nữa nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo P.V.H tuy phạm tội ít nghiêm trọng nhưng chỉ trong vòng 02 ngày đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, mỗi lần đều trị giá trên 2.000.000^{đ}. Do đó phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo P.V.H thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội. Ngoài ra người bị hại ông L.T.L cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông L.T.L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 38.350.000^{đ} theo trị giá tài sản đã chiếm đoạt. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, do đó buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường. Người bị hại ông Đ.Đ.L và bà H.T.P không có yêu cầu gì về bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (*Một*) kìm cắt bằng kim loại, có cán bọc bằng nhựa màu vàng-đen là công cụ để thực hiện tội phạm, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 147 của BLTTDS năm 2015 buộc bị cáo P.V.H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo P.V.H phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

2. *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo P.V.H **18 (*Mười tám*)** tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 26/10/2021.

3. *Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*

3.1. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo P.V.H phải chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại ông L.T.L 38.350.000đ (*Ba mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) kìm cắt bằng kim loại, có cán bọc bằng nhựa màu vàng-đen, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo P.V.H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST và 1.917.500đ (*Một triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí DSST sung vào ngân sách nhà nước.

5. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng người bị hại vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L